

DỰ THẢO 1

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN
ngày 08/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ**

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN ngày 08/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN ngày 08/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 2 như sau:

“1...

d) Thời gian thực hiện của mỗi nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương, bao gồm cả thời gian gia hạn không quá 36 tháng.

d1) Trường hợp nhiệm vụ KH&CN không thể thực hiện trong thời gian 36 tháng do yêu cầu của vấn đề KH&CN thì nhiệm vụ KH&CN phải được Hội đồng KH&CN xét duyệt đề cương chi tiết kiến nghị Lãnh đạo Bộ cho phép thực hiện. Ý kiến của Hội đồng được thể hiện trong Biên bản họp Hội đồng xét duyệt đề cương chi tiết của nhiệm vụ.

d2) Thời gian tiến hành thủ tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương kể từ khi Bộ KH&CN nhận được đề xuất nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh đến trước thời điểm ký kết hợp đồng giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương không quá 01 (một) năm. Sau 01 (một) năm mà nhiệm vụ chưa được ký hợp đồng thực hiện thì nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương cần đánh

giá lại tính cấp thiết và tính mới của vấn đề KH&CN trước khi tiến hành các thủ tục ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ. Việc đánh giá lại tính cấp thiết và tính mới của nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẳng định vấn đề khoa học vẫn còn cấp thiết đối với địa phương;

- Có ý kiến đề xuất của các thành viên Hội đồng khoa học xét duyệt đề cương chi tiết nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương cần tiếp tục thực hiện tại phiếu xin ý kiến từng thành viên Hội đồng khoa học.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương được tiếp tục thực hiện khi đáp ứng đủ các yêu cầu tại điểm này và được trên 50% số phiếu của các thành viên Hội đồng khoa học đề xuất cần tiếp tục thực hiện.

...

e) Có cam kết góp vốn từ ngân sách của địa phương để thực hiện nhiệm vụ, tỷ lệ kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương tối thiểu bằng 10% kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương cấp để thực hiện nhiệm vụ.

2. Yêu cầu riêng đối với đề án, đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN) và Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.”.

2. Bổ sung dẫn chiếu tại khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, lựa chọn các vấn đề khoa học và công nghệ đáp ứng những yêu cầu quy định tại Điều 2 Thông tư này xây dựng đề xuất đặt hàng kèm theo văn bản cam kết bố trí phân ngân sách địa phương và địa chỉ áp dụng thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Việc xây dựng đề xuất đặt hàng, hoàn thiện đề xuất đặt hàng, tổng hợp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 11, 12 và Điều 13 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN và Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.”.

3. Bổ sung dẫn chiếu tại khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN) và Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 và Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN

ngày 19/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

4. Bổ sung dẫn chiếu tại khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Nội dung, hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương áp dụng theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN) và Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“2. Việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ áp dụng theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương không trái với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

3. Trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương trong quá trình thực hiện cần gia hạn do gặp phải thiên tai, dịch bệnh hoặc yếu tố khách quan khác (vấn đề khoa học và công nghệ mới chông chéo; phá hoại...) làm ảnh hưởng đến kết quả nhiệm vụ mà tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ và thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ vượt quá 36 tháng thì cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần xin ý kiến chuyên gia hoặc xin ý kiến của các thành viên Hội đồng khoa học xét duyệt đề cương chi tiết nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương quy định tại điểm d2 khoản 1 Điều 1 Thông tư này, sau đó trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt theo quy định về gia hạn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.”.

6. Bổ sung dẫn chiếu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 như sau:

“1. Đánh giá, nghiệm thu tại địa phương nơi đề xuất đặt hàng: Trước khi nộp hồ sơ nghiệm thu cấp quốc gia, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi công văn đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá, nghiệm thu tại địa phương (thay cho việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ). Quy trình, thủ tục đánh giá, nghiệm thu tại địa phương thực hiện theo quy định tại các điều 6, 12, 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN) và Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia: Thực hiện theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN và Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.”

7. Bổ sung dẫn chiếu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 như sau:

“1. Chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương đối với các trường hợp được quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 Mẫu hợp đồng ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN và *Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.*

2. Trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN và *Thông tư số ... sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.*”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“...

2. *Tổ chức chủ trì thực hiện trách nhiệm của bên B ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương với các đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc cơ quan được ủy quyền/phân công.*”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Cùng với Bộ Khoa học và Công nghệ (hoặc ủy quyền/phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ) ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng và tiếp nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương với đơn vị chủ trì thực hiện và chủ nhiệm nhiệm vụ. *Tiếp tục chỉ đạo theo dõi, kiểm tra, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương trong 02 (hai) năm tiếp theo sau khi tiếp nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương.*”

10. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 15 như sau:

“8. *Xây dựng Quy trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương bảo đảm hiệu quả và đáp ứng thời gian thực hiện.*”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Điều khoản chuyển tiếp: các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương đã phê duyệt kinh phí trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư này khi chưa được sửa đổi, bổ sung.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này nếu được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, CNN, PC.

BỘ TRƯỞNG